

Khái quát chung về bản thể luận

ISSN: 2734-9195 08:05 05/06/2025

Bản thể luận trong Phật giáo được gọi là đạo giác ngộ. Đạo Phật đưa mọi người đến gần với ánh sáng của chân lý và sự giải thoát rốt ráo, vạch ra con đường an vui cho tha nhân cũng như tự thân với những ai biết và thực hành theo lời Phật dạy

Tác giả: **Thích nữ Huệ Tâm**
Học viên Thạc sĩ khóa II – Học viện PGVN tại Huế

A. Dẫn nhập

Bản thể luận là một trong những nội dung cơ bản của triết học luôn được các nhà triết học đề cập đến, bất luận theo quan điểm, trường phái nào. Những quan niệm về bản thể luận có thể rất khác nhau, nhưng tựu trung lại theo cách này hay cách khác, ở trình độ lý luận hay chỉ là những quan niệm rời rạc thì đều nhằm tới việc lý giải cho sự tồn tại hiện thực trên lát cắt cội nguồn, khởi nguyên của nó.

Triết học xuất phát từ nhu cầu đời sống của con người muốn khám phá về thế giới, về các hiện tượng trong thiên nhiên mà hình thành nên những hạt nhân triết học. Những hạt nhân ấy được nuôi dưỡng và dần dần phát triển trở thành những học thuyết triết học để trả lời cho các thắc mắc của loài người về nguồn gốc của vũ trụ và vạn vật.

Trong lịch sử triết học luôn luôn diễn ra cuộc đấu tranh giữa các trường phái triết học, mà điển hình nhất là cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm.

Trong quá trình đấu tranh đó, các trường phái triết học vừa gạt bỏ lẫn nhau, vừa kế thừa lẫn nhau, và mỗi trường phái đều không ngừng biến đổi, phát triển lên một trình độ cao mới. Chính cuộc đấu tranh giữa các trường phái triết học đã làm cho triết học không ngừng phát triển.

B. Nội dung

1. Khái niệm về Bản thể luận

Bản thể luận là một trong những nội dung cơ bản của triết học luôn được các nhà triết học đề cập đến bất luận theo quan điểm, trường phái nào. Thuật ngữ bản thể luận có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp, nó là sự kết hợp giữa hai từ *on* và *logos* – lời lẽ, học thuyết, tạo thành “*học thuyết về tồn tại*”.

Khái quát lại bản thể luận là một bộ môn nghiên cứu các khái niệm về thực tại và bản chất của sự tồn tại. Có nhiều quan điểm khác nhau về tồn tại:

Pácmenít – nhà triết học Hy Lạp cổ đại, được coi là người đầu tiên đề cập đến khái niệm “*tồn tại*” khi đồng nhất tư duy với tồn tại là một.

Arixtôt thì coi các phạm trù chính là nội dung của tồn tại.

Xôcrát cho rằng tồn tại không phải là giới tự nhiên. Điểm xuất phát của tồn tại chỉ có trong ý thức, tư duy. Đó là tồn tại – tự ý thức.

Platôn, từ học thuyết trọng tâm về ý niệm, ông cũng quy tồn là tổng thể những ý niệm về thế giới. Sự tồn tại của các sự vật cảm tính chẳng qua chỉ là bản sao của ý niệm. Chỉ có ý niệm mới là cái tồn tại đích thực.

Thời trung cổ, các nhà triết học theo quan điểm nhà thờ đã mưu toan lợi dụng tư tưởng của Arixtôt về siêu hình học để xây dựng học thuyết về tồn tại.

Thời cận đại người ta bắt đầu hiểu bản thể luận là một bộ phận đặc biệt của siêu hình học, là học thuyết về cơ cấu siêu cảm giác, phi vật chất của tất cả những gì đang tồn tại.

Những quan niệm về bản thể luận có thể rất khác nhau, ở trình độ lý luận hay chỉ là những quan niệm rời rạc thì đều nhắm tới việc lý giải cho sự tồn tại, khởi nguyên của nó. Tổng kết toàn bộ lịch sử triết học đặc biệt là triết học cổ điển Đức, Ph. Ăngghen đã khái quát: “*Vấn đề cơ bản nhất của mọi triết học, đặc biệt của triết học hiện đại, là mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại*” giữa ý thức và vật chất, giữa tinh thần và giới tự nhiên. Đó là những lý luận về nguồn gốc, về sự tồn tại, hay những quan niệm về nguồn gốc của thế giới hay còn gọi là bản thể luận.

Bản thể luận đề cập đến sự hiện hữu và mối quan hệ của các vấn đề trên diễn ra và xác định chúng như thế nào? Chúng được phân cấp hoặc nhóm lại ra làm

sao? Sự giống và khác nhau giữa tồn tại và thực tại như thế nào? Đó là các vấn đề của Bản thể luận đề cập đến và nghiên cứu, giải thích chúng theo một quy luật logic, khoa học bằng những phạm trù biểu thị bản chất. Với nguyên lý hệ thuộc (điều kiện, nhân duyên) và tất cả đều luôn thay đổi, biến chuyển, không có một tự tính từ tồn nhất định chính là bản thể luận của Phật giáo.

2. Bản thể luận triết học phương Tây

Thời trung cổ, các nhà triết học theo quan điểm nhà thờ đã mưu toan lợi dụng tư tưởng của Aristot về siêu hình học để xây dựng học thuyết về tồn tại nhằm chứng minh về mặt triết học cho các chân lý của tôn giáo. Thời cận đại người ta bắt đầu hiểu bản thể luận là một bộ phận đặc biệt của siêu hình học, là học thuyết về cơ cấu siêu cảm giác, phi vật chất của tất cả những gì đang tồn tại. Thuật ngữ “*Bản thể luận*” do nhà triết học Đức Hôclêniút (1613) đưa ra và được tiếp tục trong triết học của Vônphơ.

Lúc này học thuyết bản thể luận được tách rời hoàn toàn khỏi các nội dung của khoa học cụ thể và được xây dựng bằng cách phân tích trừu tượng các khái niệm như: tồn tại, khả năng và hiện thực, lượng và chất, nguyên nhân và tác động... coi nó như là bộ môn triết học cao nhất. Ngược lại, các nhà duy vật thời kỳ này như: Hôbơ; Xpinôda; Lốccơ (thế kỷ XVIII) đã dựa trên các dữ kiện của khoa học thực nghiệm, với những nội dung tích cực của các quan điểm này đã chứng minh về mặt khách quan rằng bản thể luận không thể là bộ môn triết học cao nhất, là “*triết học đầu tiên*”, tách rời khỏi nhận thức luận và logic học.

Đến triết học cổ điển Đức, họ cho rằng bản thể luận là không có nội dung và lặp lại; đồng thời học đòi hỏi tạo ra một bản thể luận (siêu hình học) mới, hoàn thiện hơn, thay thế nó bằng triết học tiên nghiệm (Căng) hay bằng hệ thống chủ nghĩa duy tâm tiên nghiệm (Selinh) hay bằng logic học (Hêghen).

Triết học phương Tây hiện đại thế kỷ XX, phản ứng trước việc phổ biến những trào lưu duy tâm chủ quan (chủ nghĩa Căng mới; chủ nghĩa thực chứng) có ý thức xây dựng một cách hiểu mới về Bản thể luận trên cơ sở duy tâm khách quan như quan niệm về bản thể luận tiên nghiệm của Huxécơ; bản thể luận phê phán của Hácrtman; bản thể luận cơ bản của Heidegger; bản thể luận hiện tượng học của Sartre.... Trong học thuyết bản thể luận mới, người ta hiểu bản thể luận là một hệ thống những khái niệm phổ biến về tồn tại mà có thể hiểu được nhờ một số trực giác siêu cảm tính và siêu lý tính.



Hình ảnh minh họa (sưu tầm).

3. Quan niệm về bản thể luận trong triết học phương Đông

Một trong những quan điểm tiêu biểu của người Trung quốc cổ đại về bản thể luận là quan điểm về “Đạo” của Lão Tử. Theo Lão tử, “Đạo” là cái có trước trời đất, trống không và lặng yên nhưng lại có ở mọi nơi, là nguồn gốc của vạn vật. Nó là sự thống nhất của thế giới, là bản nguyên sâu kín, huyền diệu mà từ đó vạn vật có danh tính, có hình thể được sinh ra. Đạo là thực thể vật chất của khối “hỗn độn”, “mập mờ”, “thấp thoáng” không có đặc tính, không có hình thể, nhìn không nhìn thấy, nghe không nghe thấy, bắt không bắt được, chẳng thể gọi tên. Nó tồn tại bất luận con người nhận thức được hay không.

Ở khía cạnh bản thể luận, khái niệm “đạo” của Lão tử được đề cập ở ba khía cạnh là thể, tướng và dụng. Những quan điểm này của Lão tử, nếu gạt bỏ những điểm hạn chế về thế giới quan và lập trường duy tâm, đã phần nào tiêu biểu cho những quan niệm biện chứng đầy tinh tế và bí hiểm của người phương đông.

Quan điểm này vừa thể hiện quan điểm trực quan nguyên sơ của người Trung Quốc cổ đại nhưng lại hàm chứa trong đó những đoán định, cảm nhận sâu sắc về sự tồn tại và biến hoá của vũ trụ, điều chỉ xuất hiện khi tư duy trừu tượng đạt tới trình độ cao.

Học thuyết Âm dương - Ngũ hành lại hướng đến việc lý giải sự tồn tại của thế giới trong sự tương tác của các yếu tố tự nhiên trong thế giới mà thành. Các

quan điểm này hướng tới việc phân tích sự tác động của các yếu tố cơ bản có trong tự nhiên tạo thành sự vật (học thuyết ngũ hành) hay là sự liên hệ, tương tác giữa hai mặt đối lập, hai thế lực vật chất cơ bản để tạo nên vũ trụ (học thuyết âm dương).

Nho giáo, với nội dung chủ yếu thiên về giải quyết các vấn đề chính trị- xã hội và con người nên đưa ra những quan niệm khác khi lý giải về bản nguyên của tồn tại. Theo Mạnh Tử cái nội tâm chủ quan bên trong là bản thể tự tại, thuộc về tiên nghiệm, vượt ra khỏi phạm trù không gian, thời gian, vật chất, vận động. Đạt đến đó là con người có thể thông quan với trời đất, hóa sinh ra vạn vật. Tâm là cái chủ thể trong mỗi con người, là cái thần linh có đủ mọi lý mà trời phú cho con người để hiểu biết, ứng đối với vạn vật, vạn sự. Tâm có quan hệ với Tính. Tính là cái lý hoàn toàn của tâm. Đem cái tâm tính ấy mà ứng xử với vạn vật bên ngoài là tình. Chỉ có cái tâm đó thì mới biết được tính của ta và của vạn vật.v.v..

Các nhà triết học ở Ấn Độ cổ đại ban đầu lại quan niệm bản thể của thế giới chính là các vị thần có tính chất tự nhiên. Họ tin tưởng, gửi gắm tâm hồn, cuộc sống tự nhiên của mình vào thế giới các vị thần ấy. Về sau, quan niệm tự nhiên về các vị thần dần dần mờ nhạt, thay vào đó là những nguyên lý trừu tượng duy nhất tối cao được coi là nguồn gốc vũ trụ và đời sống con người. Đó là *“thần sáng tạo tối cao”* Brahman và một tinh thần tối cao Brahman. Bước chuyển về mặt nhận thức này của người Ấn Độ cổ thể hiện bước chuyển từ thế giới quan thần thoại (với việc giải thích tính muôn vẻ, cụ thể của thế giới qua biểu tượng các vị thần có tính chất tự nhiên) đến thế giới quan triết học (bằng việc dần phát hiện ra cái chung, cái bản chất như là bản nguyên tối cao của thế giới).

4. Bản thể luận trong Phật giáo

Bản thể luận trong Phật giáo được gọi là đạo giác ngộ. Đạo Phật đưa mọi người đến gần với ánh sáng của chân lý và sự giải thoát rốt ráo, vạch ra một con đường an vui cho tha nhân cũng như tự thân với những ai biết và thực hành theo lời Phật dạy.

Chính vì lẽ ấy, sự ra đời của đức Phật đã đáp ứng được ước mơ của con người trong xã hội thời đại ấy cho đến hôm nay và mãi mãi về sau, Ngài đã mang đến cho loài người chúng ta một thông điệp về sự bình an trong cuộc sống là trong ta và trong mỗi người đều có một phật tính hiện hữu, đều có sức mạnh chuyển hoá.

Chuyển hoá từ chính trong sự nhận thức tầm thường của dục vọng và ham muốn thì lúc ấy con người đã đến gần với ánh sáng của chân lý và đi đến bến bờ hạnh phúc.

Những quan niệm về bản thể luận trong triết học Phật giáo đã có những đóng góp có giá trị vào sự phát triển của tư tưởng nhân loại nói chung và tư tưởng phương đông nói riêng:

Thứ nhất, với quan niệm bản thể của thế giới là sự thống nhất trong một bản nguyên duy nhất là Như Lai Viên Giác, như là chân tâm, thế giới đã được lý giải dưới con mắt Phật giáo là một sự thống nhất trong tận cùng xuất phát điểm của nó.

Thứ hai, đạo Phật là một tôn giáo trí tuệ, vì vậy quan niệm về giải thoát của Phật giáo cũng hướng nhiều vào việc giải thoát đời sống tâm linh con người qua trí tuệ. Chính những quan niệm về “*vô ngã*”, “*vô thường*” đã giúp cho đời sống tâm linh con người được giải thoát khỏi những “*vô minh*”.

Thứ ba, với quan niệm dùng trí tuệ để phá bỏ vô minh, đạo Phật là tôn giáo biết đề cao giá trị của tri thức trên con đường tìm kiếm chân lý.

C. Kết luận

Phật giáo là một tôn giáo lớn, đồng thời cũng là một học thuyết mang đậm tính triết học với những lý giải sâu sắc những vấn đề liên quan đến bản thể luận và nhận thức luận. Những quan niệm về bản thể luận của triết học Phật giáo thể hiện được những nét đặc sắc tiêu biểu của tư tưởng phương đông: đó là tính biện chứng và những linh cảm trực giác tâm linh sâu sắc và thâm thúy khi luận bàn về sự tồn tại của thế giới cũng như những biến đổi khôn cùng trong nó.

Những quan niệm bản thể luận được thể hiện như một sự giảng giải đầy thuyết phục về cái bản nguyên đầu tiên của vạn vật được nhận thức ra khi có tâm thanh tịnh và cách thức có thể trở về bản thể. Đó dường như là cuộc hành trình đi từ chính mình để tìm ra chính mình và trở về với chính mình. Mặc dù còn có những hạn chế nhất định, nhưng những quan niệm về bản thể luận đã có những đóng góp quan trọng trong sự phát triển của tư tưởng nhân loại trên con đường kiếm tìm những tri thức chân lý đúng đắn để phục vụ cho cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn của con người cả trên phương diện vật chất và đời sống tâm linh.

Ngày nay, trong thời đại 4.0, với sự phát triển của các phương tiện thông tin truyền thông thì vấn đề này sẽ ngày càng có nhiều người được tiếp xúc hơn với

những kiến thức mới. Hiện nay với nhiều vấn đề phức tạp trong sự phát triển của thế giới, thì sẽ càng cần những nghiên cứu nhiều hơn, sâu sắc hơn, khách quan hơn về những giá trị và hạn chế của các tư tưởng triết học để có thể khai thác khía cạnh tích cực và hạn chế để góp phần cho sự ổn định và phát triển của đời sống xã hội. Đó cũng chính là con đường để nhân loại tìm ra chính mình trong sự tồn tại hiện hữu một cách tích cực nhất.

Tác giả: **Thích nữ Huệ Tâm**

Học viên Thạc sĩ khóa II – Học viện PGVN tại Huế

Tài liệu tham khảo:

1. Đinh Quang Hồ (2016), Quan niệm về Bản thể luận trong lịch sử triết học, Tạp chí Giáo dục lý luận.
2. Thích Tâm Thiện (1997), Tìm hiểu nhân sinh quan Phật giáo, Nxb Tp. HCM.
3. Nguyễn Đăng Thục (1963), Lịch sử Triết học Phương Đông, Nxb Tủ sách văn hóa nhân bản.
4. Thích Tâm Thiện (2002), Vấn đề cơ bản của Triết học Phật giáo, NXB TP Hồ Chí Minh.